TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2018
V/v "Không công nhận quan hệ vợ, chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Y Van- Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2018/TLST - HNGĐ ngày 14/9/2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1969 (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 12, khu phố PhH, phường PhTh, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị Mai L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T và bà L sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà L có 02 con chung tên Trần

Thị Ngọc Đ, sinh ngày 14/4/1992 và Trần Thanh T, sinh ngày 12/3/1996 ngoài ra không có nhận ai làm con nuôi và hiện tại bà L không có mang thai.

Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà L. Khi ly hôn các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên ông T không có yêu gì. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai L vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2018 (bút lục 18) bà L trình bày:

Bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Bà L và ông T sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

-Về con chung: Bà L thống nhất như lời trình bày của ông T là bà và ông T có hai con chung tên Trần Thị Ngọc Đ, sinh ngày 14/4/1992 và Trần Thanh T, sinh ngày 12/3/1996. Ngoài ra không có nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà L không có mang thai.

Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý vì nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn. Khi ly hôn các con chung đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên bà L không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung bà L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Mai L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Mai L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn bà Nguyễn Thị Mai L

hiện đang cư trú tại tổ 12, khu phố Phú Hưng, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Bình Long.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mai L có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Mai L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng….."*. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Xác định nguyên nhân mâu thuẫn:* Ông T và bà L đều thừa nhận quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai.

[4] *Căn cứ pháp lý:* Xét thấy, ông T và bà L chung sống với nhau không đăng ký kết hôn theo quy định, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung trở nên trầm trọng. Theo quy định tại khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"*. Do đó, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận ông T và bà L là vợ chồng.

[5] *Về con chung*: Các con chung đã trường thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, ông T và bà L không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận ông T và bà L là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định " *Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn ông T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T.

Tuyên bố không công nhận ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Mai L là vợ chồng.

2/ *Về con chung; tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004265 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị Mai L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Đức